

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH**Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao; hình thức xử phạt, mức xử phạt; thẩm quyền xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao là hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thể dục, thể thao do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, theo quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này phải bị xử phạt hành chính.

3. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao quy định tại Nghị định này bao gồm:

- a) Vi phạm quy định pháp luật về các hành vi bị cấm trong hoạt động thể dục, thể thao;
- b) Vi phạm quy định pháp luật về hoạt động thể thao thành tích cao;
- c) Vi phạm quy định pháp luật về hoạt động, kinh doanh, dịch vụ thể dục, thể thao.

4. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong hoạt động thể dục, thể thao không quy định tại Nghị định này thì được áp dụng theo quy định của các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị xử lý theo quy định của Nghị định này.

Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính:

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Hình thức phạt bổ sung:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tước quyền sử dụng có thời hạn Giấy chứng nhận Huấn luyện viên, Giấy chứng nhận Trọng tài;
- b) Tịch thu trang thiết bị, dụng cụ sử dụng, gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe người luyện tập, thi đấu thể thao hoặc mang tính chất đồi trụy, khiêu dâm, kích động trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- a) Buộc hủy bỏ kết quả tuyển chọn đối với hành vi gian lận về thành tích để tuyển chọn người vào đội tuyển thể thao, các trung tâm và trường năng khiếu thể dục thể thao;
- b) Buộc hủy bỏ kết quả phong cấp đối với hành vi phong đẳng cấp vận động viên, phong cấp huấn luyện viên, trọng tài không đúng quy định pháp luật;
- c) Buộc hủy bỏ hoặc tháo dỡ và chịu mọi chi phí cho việc hủy bỏ, tháo dỡ đối với các hành vi vi phạm về hoạt động quảng cáo trong hoạt động thể dục, thể thao.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
THỂ DỤC, THỂ THAO, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Mục 1
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CÁC HÀNH VI
BỊ CẤM TRONG HOẠT ĐỘNG THỂ DỤC, THỂ THAO

Điều 4. Hành vi sử dụng chất kích thích bị cấm trong luyện tập và thi đấu thể thao

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi dùng chất kích thích bị cấm trong luyện tập, thi đấu thể thao.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi để vận động viên sử dụng chất kích thích bị cấm trong luyện tập, thi đấu thể thao.

Điều 5. Hành vi sử dụng phương pháp bị cấm trong luyện tập và thi đấu thể thao

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các bài tập, môn thể thao hoặc các phương pháp luyện tập và thi đấu thể thao mang tính chất đồi trụy, khiêu dâm, kích động trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các bài tập, môn thể thao hoặc các phương pháp luyện tập và thi đấu thể thao gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe người luyện tập, thi đấu, trừ những bài tập, môn thể thao, phương pháp luyện tập và thi đấu được pháp luật cho phép.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu các trang thiết bị, dụng cụ sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 6. Hành vi gian lận trong hoạt động thể dục, thể thao

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Gian lận tên, tuổi trong hoạt động thể dục, thể thao;
- b) Gian lận giới tính trong hoạt động thể dục, thể thao;
- c) Gian lận khác về hồ sơ để tuyển chọn, thi đấu thể thao không thuộc quy định tại Điểm a, Điểm b khoản này.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi dụ dỗ, ép buộc người khác gian lận các điều kiện về hồ sơ để được tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch kết quả thi đấu thể thao.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi gian lận về thành tích để tuyển chọn người vào đội tuyển thể thao, các trung tâm và trường năng khiếu thể dục thể thao.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ kết quả tuyển chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 7. Hành vi bạo lực trong hoạt động thể dục, thể thao

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi đe dọa xâm phạm sức khỏe, uy tín, bí mật đời tư; đe dọa xâm phạm hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm vận động viên, trọng tài, thành viên Ban tổ chức, người đang thi hành công vụ, huấn luyện viên, trưởng đoàn.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi hành hung vận động viên, trọng tài, thành viên Ban tổ chức, người đang thi hành công vụ, huấn luyện viên, trưởng đoàn.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chơi thô bạo hoặc gây chấn thương, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe vận động viên khác trong luyện tập, thi đấu thể thao trái với luật thi đấu của từng môn thể thao;

b) Có hành vi quá khích hoặc lôi kéo nhóm người quá khích gây ảnh hưởng tới hoạt động và thi đấu thể thao.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi cố ý gây thương tích cho trọng tài trong thi đấu thể thao.

Điều 8. Hành vi cản trở hoạt động thể dục, thể thao

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cố ý cản trở hoạt động thể dục, thể thao hợp pháp của các tổ chức, cá nhân.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện và thi đấu thể thao.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO

Điều 9. Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của vận động viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập luyện, thi đấu thể thao

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện chương trình, bài tập của huấn luyện viên;

b) Không thực hiện đúng quy định của luật thi đấu thể thao, điều lệ giải thể thao.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không sơ cứu, cấp cứu kịp thời cho vận động viên;

b) Không có hoặc không có đầy đủ trang thiết bị bảo đảm an toàn cho vận động viên khi luyện tập, thi đấu thể thao.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không chi trả hoặc chi trả không đúng chế độ dinh dưỡng đặc thù, tiền công, tiền thưởng và chế độ khác của vận động viên.

Điều 10. Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của huấn luyện viên thể thao thành tích cao trong thời gian huấn luyện, thi đấu thể thao

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hoặc không thực hiện kế hoạch, chương trình, giáo án huấn luyện.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không chấp hành quy định của luật thi đấu thể thao, điều lệ giải thể thao;

b) Không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho vận động viên.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không chi trả hoặc chi trả không đúng tiền thưởng và các chế độ khác theo quy định pháp luật đối với huấn luyện viên đã huấn luyện được vận động viên đạt thành tích xuất sắc trong các giải thể thao quốc gia và quốc tế.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận Huấn luyện viên 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 11. Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của trọng tài thể thao thành tích cao

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định của luật thi đấu thể thao, điều lệ giải thể thao.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không chi trả tiền hoặc chi trả không đúng tiền thù lao theo quy định của pháp luật đối với trọng tài thể thao thành tích cao.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không trung thực, khách quan trong điều hành thi đấu thể thao.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận Trọng tài 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và 3 Điều này.

Điều 12. Hành vi vi phạm trong việc tuyển chọn vận động viên tham gia đội tuyển thể thao

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không tuyển chọn vận động viên đội tuyển thể thao có đủ tiêu chuẩn theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tuyển chọn vận động viên vào đội tuyển thể thao không đủ tiêu chuẩn theo quy định pháp luật.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ kết quả, quyết định tuyển chọn đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 13. Hành vi vi phạm quy định về phong cấp vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao thành tích cao

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi phong đẳng cấp vận động viên không đúng quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi phong cấp huấn luyện viên, trọng tài không đúng quy định pháp luật.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ kết quả phong đẳng cấp, phong cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.

Mục 3**HÀNH VI VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG,
KINH DOANH DỊCH VỤ THỂ DỤC, THỂ THAO****Điều 14. Hành vi vi phạm quy định về giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thể dục, thể thao**

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hoạt động, kinh doanh, dịch vụ thể dục, thể thao không có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thể dục, thể thao.

Điều 15. Hành vi vi phạm các điều kiện về cơ sở vật chất và vùng hoạt động của hoạt động, kinh doanh dịch vụ thể dục, thể thao

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không có bảng nội quy, bảng hướng dẫn, cờ hiệu, phao neo, phao tiêu;
- b) Không có khu vực thay đồ, gửi quần áo, nhà vệ sinh, nơi để xe;
- c) Không đảm bảo về kiểu dáng, thiết kế, màu sắc, độ phẳng, độ trơn trượt phù hợp đối với từng môn thể thao theo quy định pháp luật;

d) Không đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng theo tiêu chuẩn của từng môn thể thao theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Địa điểm tổ chức không đảm bảo diện tích theo quy định pháp luật;

b) Không đảm bảo về mặt bằng, mặt sàn, kích thước, độ sâu, độ dốc, độ gấp khúc, chiều cao, mái che phù hợp đối với từng môn thể thao theo quy định pháp luật;

c) Không đảm bảo về tiêu chuẩn chất lượng nước bể bơi theo quy định pháp luật;

d) Không đảm bảo về tiêu chuẩn mật độ người tham gia luyện tập theo quy định pháp luật;

đ) Không bảo đảm các yêu cầu về khoảng cách giữa các dụng cụ, trang thiết bị theo quy định pháp luật.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đảm bảo vùng hoạt động đối với các môn thể thao có điều kiện về vùng hoạt động theo quy định pháp luật;

b) Bến bãi neo đậu phương tiện hoạt động thể dục, thể thao không phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Không có hệ thống tiếp nhận dầu thải từ các phương tiện khi tham gia hoạt động thể thao trên biển;

d) Vị trí cửa ra vào của mỗi bến bãi neo đậu phương tiện không đúng quy định pháp luật;

đ) Không bảo đảm các điều kiện khác về cơ sở vật chất trong hoạt động dịch vụ thể dục, thể thao theo quy định pháp luật.

Điều 16. Hành vi vi phạm quy định về trang thiết bị, phương tiện đối với từng môn thể thao

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Sử dụng dụng cụ, trang thiết bị, phương tiện không đảm bảo các yêu cầu về kích thước, kiểu dáng, mẫu mã, công suất, công năng sử dụng theo quy định pháp luật.

2. Sử dụng dụng cụ, trang thiết bị, phương tiện không có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, giấy chứng nhận về tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo quy định pháp luật đối với từng môn thể thao.

Điều 17. Hành vi vi phạm về huấn luyện viên, nhân viên chuyên môn

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Không có hoặc không đủ huấn luyện viên, nhân viên chuyên môn theo quy định pháp luật.

2. Sử dụng đội ngũ nhân viên chuyên môn không đảm bảo các điều kiện về sức khỏe theo quy định pháp luật.

3. Sử dụng đội ngũ huấn luyện viên, nhân viên chuyên môn không có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định pháp luật.

Điều 18. Hành vi vi phạm các quy định về công tác y tế trong hoạt động, kinh doanh dịch vụ thể dục, thể thao

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có tủ thuốc, các loại thuốc theo danh mục, quy trình sơ cấp cứu theo quy định pháp luật;

b) Không có hoặc không có đủ các trang thiết bị, dụng cụ sơ cấp cứu theo quy định pháp luật;

c) Không có phòng trực y tế.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhân viên y tế không đảm bảo các điều kiện về chứng chỉ y học thể thao do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có nhân viên y tế theo quy định pháp luật;

b) Không có nhân viên y tế thường trực khi có người tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

Điều 19. Hành vi vi phạm các quy định về công tác cứu hộ và đảm bảo an toàn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có hoặc không có đầy đủ biển báo hiệu, đèn báo hiệu hoặc bảng thông báo khu vực nguy hiểm, bảng cấm, bảng khuyến cáo theo quy định pháp luật;

b) Không có hoặc không có đầy đủ phao cứu sinh, áo phao theo quy định pháp luật đối với các môn thể thao dưới nước;

c) Không đảm bảo điều kiện về thông tin liên lạc trong an toàn cứu nạn theo quy định pháp luật;

d) Không có trạm quan sát phục vụ công tác cứu nạn theo quy định pháp luật;

đ) Không đảm bảo các điều kiện khác về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác cứu hộ theo quy định pháp luật;

e) Nhân viên cứu hộ không có chứng chỉ hành nghề theo quy định pháp luật;

g) Nhân viên cứu hộ không đủ các điều kiện về sức khỏe theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có hoặc không có đủ nhân viên cứu hộ;

b) Không có nhân viên cứu hộ thường trực khi có người tham gia hoạt động thể dục, thể thao.

Điều 20. Hành vi vi phạm về hoạt động quảng cáo trong hoạt động thể dục, thể thao

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đặt biển quảng cáo che khuất quốc kỳ, quốc huy, ảnh lãnh tụ hoặc bảng hướng dẫn chuyên môn;

b) Đặt biển quảng cáo làm ảnh hưởng đến hoạt động thể dục, thể thao;

c) Đặt biển quảng cáo che khuất tầm nhìn của khán giả.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Dùng hình ảnh vận động viên trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự để quảng cáo;

b) Quảng cáo các môn thể thao bị cấm;

c) Quảng cáo các phương pháp huấn luyện bị cấm;

d) Quảng cáo trái điều lệ, luật thi đấu của từng môn thể thao.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ hoặc tháo dỡ và chịu mọi chi phí cho việc hủy bỏ, tháo dỡ đối với hành vi vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này.

Điều 21. Hành vi cản trở bất hợp pháp hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi từ chối nhận quyết định thanh tra, kiểm tra, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc kê khai hoặc kê khai, khai báo không trung thực, không đúng thời hạn theo yêu cầu của người thi hành công vụ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của người thi hành công vụ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- c) Cản trở công tác của đoàn kiểm tra, thanh tra;
- d) Có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự đối với người đang làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Trì hoãn, trốn tránh không thi hành các quyết định hành chính, quyết định thanh tra, kiểm tra của người hoặc cơ quan có thẩm quyền;

b) Tự ý tháo gỡ niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hoặc tự ý làm thay đổi hiện trường vi phạm hành chính;

c) Tẩu tán, làm thay đổi, đánh tráo tang vật đang bị kiểm tra, thanh tra hoặc tạm giữ.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b và c Khoản 3 Điều này.

Chương III **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

Điều 22. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Thanh tra viên Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang thi hành công vụ có thẩm quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- d) Thực hiện các quyền quy định tại Điểm 1 Khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

2. Chánh Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định này;

e) Thực hiện các quyền quy định tại Điểm 1 Khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

3. Chánh Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa của lĩnh vực thể dục, thể thao quy định tại Nghị định này;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định này;
- e) Thực hiện các quyền quy định tại Điểm 1 Khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

4. Chánh Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trên phạm vi toàn quốc.

5. Chánh Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cùng cấp; thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân của trung ương và địa phương khác hoạt động thể dục, thể thao tại địa phương của mình.

Điều 23. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra ngành khác

Trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước được Chính phủ quy định, Thanh tra viên và Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra chuyên ngành khác có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao được quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình.

Điều 24. Thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Khoản 4 và 5 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008, Điều 30 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đã được sửa đổi tại Pháp lệnh sửa đổi một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008 trong phạm vi địa bàn do mình quản lý đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao được quy định tại Nghị định này.

Điều 25. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, cơ quan Thuế, cơ quan Quản lý thị trường

Cơ quan Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, cơ quan Thuế, cơ quan Quản lý thị trường có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại các Khoản 6, 7, 8, 9 và 11 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và Điều 37 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh

vực thể dục, thể thao có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực mình quản lý được quy định tại Nghị định này.

Điều 26. Ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính

Ban hành kèm theo Nghị định này các mẫu biên bản và quyết định để sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2012. Nghị định này thay thế Nghị định số 141/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
MỘT SỐ MẪU BIÊN BẢN VÀ QUYẾT ĐỊNH SỬ DỤNG TRONG XỬ PHẠT
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO
(Ban hành kèm theo Nghị định số 37/2012/NĐ-CP
ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ)

1. Mẫu biên bản số 01: Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.
2. Mẫu biên bản số 02: Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.
3. Mẫu biên bản số 03: Biên bản niêm phong/mở niêm phong tang vật tạm giữ.
4. Mẫu biên bản số 04: Biên bản tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.
5. Mẫu biên bản số 05: Biên bản bàn giao hoặc trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.
6. Mẫu quyết định số 01: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.
7. Mẫu quyết định số 02: Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.
8. Mẫu quyết định số 03: Quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.
9. Mẫu quyết định số 04: Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.
10. Mẫu quyết định số 05: Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
11. Mẫu quyết định số 06: Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong trường hợp không áp dụng xử phạt hành chính.

Mẫu biên bản số 01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

², ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO

Hôm nay, hồi... giờ... ngày... tháng... năm... tại.....

Chúng tôi gồm³:

- Đại diện bên lập biên bản:

1..... Chức vụ:.....

2..... Chức vụ:.....

Tổ chức cá nhân vi phạm:

1..... Nghề nghiệp/chức vụ

2..... Nghề nghiệp/chức vụ

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao đối với các hành vi vi phạm sau:

1.....

.....

quy định tại điểm... khoản... Điều... Nghị định số...../2012/NĐ-CP ngày
 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể
 dục, thể thao⁴.

- Địa điểm vi phạm:.....

- Tình tiết giảm nhẹ:.....

- Tình tiết tăng nặng:.....

- Căn cứ Điều 57 khoản 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-
 UBTVQH10 ngày 02/7/2002, đã tạm giữ giấy tờ sau:

.....

.....

Có sự chứng kiến của ông, bà (nếu có):

Ngoài những giấy tờ tạm giữ trên, chúng tôi không thu giữ thứ gì khác.

Yêu cầu tổ chức (cá nhân) vi phạm tới làm việc với Đoàn kiểm tra vào hồi...
 giờ... ngày..... tại..... để giải quyết.

- Lời khai của đại diện tổ chức vi phạm (hoặc người vi phạm):

.....

.....

.....

Việc lập biên bản kết thúc hồi... giờ..... cùng ngày.

Biên bản được lập thành..... bản, mỗi bản gồm..... trang, có nội dung và giá trị như nhau và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản và

Sau khi đọc lại biên bản (đã đưa cho mỗi người tự đọc), cùng công nhận là đúng, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào từng trang hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁶:

**ĐẠI DIỆN BÊN
VI PHẠM**

**NGƯỜI LÀM CHỨNG
(NẾU CÓ)**

**ĐẠI DIỆN BÊN LẬP
BIÊN BẢN**

¹ Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương..., huyện; thành phố thuộc tỉnh....., xã mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁴ Ghi rõ các hành vi, nếu có nhiều hành vi vi phạm thì liệt kê cụ thể từng hành vi.

⁵ Ghi cụ thể những người, tổ chức được giao biên bản.

⁶ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu biên bản số 02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

², ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN**Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính**

Căn cứ Điều 45, 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều..... Nghị định số.../2012/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao;

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số..... ngày... tháng... năm..... do³..... chức vụ..... ký.

Để có cơ sở xác minh thêm vụ việc vi phạm hành chính/hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính,

Hôm nay, hồi... giờ... ngày... tháng... năm..... tại:.....

Chúng tôi những người lập biên bản gồm⁴:

1. Chức vụ:.....

2. Chức vụ:.....

Người vi phạm hành chính là:

Ông (bà)/tổ chức⁵:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:

Với sự chứng kiến của⁶ (nếu có):

1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:.....

¹ Nếu biên bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp lập thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương....., huyện, thành phố thuộc tỉnh....., xã..... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ họ tên, chức vụ người ký quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

⁴ Họ và tên, chức vụ người lập biên bản.

⁵ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁶ Họ và tên người làm chứng. Nếu có đại diện chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ.

Địa chỉ thường trú:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:.... Ngày cấp.....; Nơi cấp.....

2. Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:.... Ngày cấp; Nơi cấp.....

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, gồm:

STT	Tên tang vật, phương tiện, bị tạm giữ	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện ⁷	Ghi chú ⁸

Ngoài những tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản.

Biên bản này gồm..... trang, được những người có mặt cùng ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản (đưa cho mỗi người tự đọc), những người có mặt cùng công nhận là đúng, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào từng trang hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁹:.....

Người vi phạm
(hoặc đại diện tổ chức vi phạm)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biên bản
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ra quyết định
tạm giữ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến
(nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chính quyền
(nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁷ Nếu là phương tiện thì ghi thêm số đăng ký.

⁸ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không, nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm (hoặc đại diện của tổ chức vi phạm), có sự chứng kiến của đại diện gia đình, đại diện tổ chức hay đại diện chính quyền không, nếu không có phải ghi rõ có sự chứng kiến của ông (bà)...

⁹ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu biên bản số 03

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

², ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN**Niêm phong/mở niêm phong tang vật tạm giữ**

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày.... tháng..... năm.... tại.....

Chúng tôi gồm:

- Đại diện bên lập biên bản³:

1. Chức vụ:.....

2. Chức vụ:.....

- Đại diện tổ chức/cá nhân là chủ sở hữu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

Ông (bà)/tổ chức:.....

Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

- Với sự chứng kiến (nếu có):

Ông (bà):.....

Địa chỉ:.....

Nghề nghiệp:.....

Tiến hành niêm phong/mở niêm phong số tang vật, phương tiện tạm giữ theo Quyết định số.... ngày..... tháng.... năm..... của⁴.....

Chức vụ:.....

Số tang vật niêm phong (mở niêm phong) gồm:

.....

Số tang vật trên đã giao cho ông (bà)..... thuộc đơn vị chịu trách nhiệm coi giữ và bảo quản.

¹ Tên cơ quan chủ quản.

² Địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁴ Nếu là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản được lập thành.....bản có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho chủ sở hữu tang vật, phương tiện 01 bản; người bảo quản 01 bản và 01 bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản (đưa cho mỗi người tự đọc) những người có mặt cùng công nhận là đúng, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có)⁵:.....

Chủ sở hữu (sử dụng)
Tang vật, phương tiện vi phạm
hành chính
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người niêm phong/mở niêm phong
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bảo quản
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁵ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu biên bản số 04

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

², ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN

**Bàn giao hoặc trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm
hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao**

Hôm nay, vào hồi.... giờ.... ngày..... tháng năm.....

Tại:.....

Chúng tôi gồm:**Đại diện bên giao tang vật, phương tiện vi phạm³:**

- Ông (bà): Chức danh:.....

- Thuộc đơn vị:.....

Đại diện bên nhận tang vật, phương tiện vi phạm⁴:

- Ông (bà): Quốc tịch:.....

- Nghề nghiệp:.....

- Số chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số:..... Ngày cấp.....

Nơi cấp.....

- Địa chỉ:

Tiến hành lập biên bản bàn giao hoặc trả lại các tang vật, phương tiện vi phạm gồm:

STT	Tên giấy tờ, tang vật, phương tiện	ĐV tính	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện	Ghi chú

Cộng..... khoản.

¹ Tên cơ quan chủ quản.

² Địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện bên giao.

⁴ Ghi rõ họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp người nhận; nếu bên nhận là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

Các ý kiến của bên nhận:.....

Hai bên đã giao nhận đầy đủ tang vật, phương tiện vi phạm nói trên. Việc giao nhận kết thúc vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng.....năm.....

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, những người ký tên dưới đây đã được nghe đọc lại và nhất trí với toàn bộ nội dung biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):.....⁵.....

Biên bản này gồm..... trang, được Đại diện bên nhận và Đại diện bên giao ký xác nhận vào từng trang.

Đại diện bên nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên giao
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁵ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu biên bản số 05

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
 TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

², ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN**Giao, nhận hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang cơ quan điều tra**

Hôm nay, hồi... giờ.... ngày..... tháng.... năm...., tại³

Chúng tôi gồm:

1- Đại diện⁴

+ Ông (bà)..... chức vụ.....

+ Ông (bà)..... chức vụ.....

2- Đại diện cơ quan điều tra⁵

+ Ông (bà)..... chức vụ.....

+ Ông (bà)..... chức vụ.....

Đã tiến hành giao, nhận hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm để tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ gồm... trang, gồm các tài liệu sau:

..... (5)

Việc giao nhận hoàn thành hồi..... giờ..... ngày...../...../.....

Biên bản giao, nhận hồ sơ, tài liệu đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Đại diện bên nhận
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên giao
 (Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Tên cơ quan chủ quản.

² Địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Địa điểm giao, nhận hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

⁴ Ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện bên giao.

⁵ Ghi rõ họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp người nhận; nếu bên nhận là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

Mẫu quyết định số 01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-XPFC

², ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số...../2012/NĐ-CP ngày.... tháng..... năm 2012 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính do³ lập hồi.... giờ..... ngày..... tháng..... năm.... tại.....;

Tôi⁴; Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁵:.....;

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....

Cấp ngày:..... Tại:.....

Với các hình thức sau:

1. Hình thức xử phạt hành chính:

Cảnh cáo/phạt tiền với mức phạt là..... đồng (viết bằng chữ:.....).

2. Hình phạt bổ sung (nếu có):

¹ Nếu Quyết định xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương....., huyện, thành phố thuộc tỉnh....., xã..... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁴ Họ tên người ra quyết định xử phạt.

⁵ Nếu là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

- a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề:.....
 b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính gồm:

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

Lý do:

- Đã có hành vi vi phạm hành chính⁶:.....

Quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... của Nghị định số..... ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:.....

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt là ngày..... tháng..... năm..... trừ trường hợp được hoãn chấp hành hoặc⁷.....

Quá thời hạn này, nếu ông (bà)/tổ chức..... cố tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành;

Số tiền phạt theo quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số của Kho bạc Nhà nước⁸..... trong vòng mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt, gửi một liên giấy nộp tiền cho.....⁹ và nhận lại.....¹⁰

Ông (bà)/tổ chức..... có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... tháng..... năm.....¹¹

Trong thời hạn ba ngày Quyết định ngày được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức:..... để chấp hành;
2. Kho bạc..... để thu tiền phạt;
- 3.....

Quyết định này gồm..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang./.

Người ra quyết định

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu:

⁶ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁷ Ghi rõ lý do

⁸ Ghi rõ tên, địa chỉ kho bạc.

⁹ Cơ quan ra Quyết định xử phạt.

¹⁰ Giấy tờ tạm giữ theo Biên bản vi phạm hành chính.

¹¹ Ngày ký quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền xử phạt quyết định.

Mẫu quyết định số 02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-TGTVPT

², ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

**Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
trong lĩnh vực thể dục, thể thao**

Căn cứ Điều 45, Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều..... Nghị định số...../2012/NĐ-CP ngày... quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số.../BB-VPHC do..... lập ngày tháng..... năm.....

Xét³.....

Tôi⁴.....; Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của:

Ông (bà)/tổ chức⁵:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....

¹ Nếu quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Ghi rõ lý do tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như để xác minh tình tiết làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm. Nếu người tạm giữ không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính thì phải ghi rõ thêm căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy.

⁴ Họ tên người ra quyết định tạm giữ.

⁵ Nếu là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Cấp ngày:..... Tại:.....
Tang vật, phương tiện bị tạm giữ gồm (tên, số lượng, chủng loại):

.....
Có biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính kèm theo.

Điều 2. Tang vật, phương tiện nêu trên được tạm giữ tại⁶:

.....
Điều 3. Thời hạn tạm giữ là..... ngày, kể từ ngày... tháng... năm.....

Điều 4. Ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm..... và được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau, 01 bản giao cho người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm, 01 bản giao cho người có trách nhiệm bảo quản, 01 bản lưu hồ sơ cơ quan xử lý vi phạm hành chính, 01 bản gửi⁷/.

Người ra quyết định ký

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu:

Ý kiến Thủ trưởng của người ra Quyết định tạm giữ

⁶ Ghi địa chỉ nơi tạm giữ tang vật, phương tiện.

⁷ Trường hợp người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008, thì quyết định này được gửi để báo cáo thủ trưởng của người ra quyết định tạm giữ.

Mẫu quyết định số 03

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-TLTVPT

², ngày... tháng... năm...**QUYẾT ĐỊNH****Trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực
thể dục, thể thao bị tạm giữ**

Căn cứ Điều 45, Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều..... Nghị định số...../NĐ-CP ngày... quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số...../BB-VPHC do..... lập ngày tháng..... năm.....

Xét thấy không cần thiết phải áp dụng Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện số: ngày.... tháng... năm... của.....

Tôi³:.....; Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trả lại Ông (bà)/Tổ chức.....

Địa chỉ:.....

Tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo Biên bản số:... ngày... tháng... năm... bao gồm⁴:.....

Điều 2. Các Ông (bà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu:

¹ Nếu quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Họ tên người ra quyết định tạm giữ.

⁴ Ghi rõ tang vật, phương tiện trả lại.

Mẫu quyết định số 04

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-TTTPVT

², ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH**Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều..... Nghị định số...../2012/NĐ-CP ngày... quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số...../BB-VPHC do..... lập ngày..... tháng..... năm.....

Xét³.....

Tôi⁴.....; Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tịch thu của Ông (bà)/Tổ chức:

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số.....

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao đã tạm giữ theo Biên bản ngày... tháng... năm... bao gồm⁵:

Điều 2. Trình tự, thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các Ông (bà)..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu:

Người ra quyết định ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹Nếu quyết định tịch thu tang vật, phương tiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân xã, thị trấn.... mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

²Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³Ghi rõ lý do tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như để xác minh tình tiết làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm. Nếu người tạm giữ không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì phải ghi rõ thêm căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy.

⁴Họ tên người ra quyết định tạm giữ.

⁵Ghi rõ tang vật, phương tiện bị tịch thu.

Mẫu quyết định số 05

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CC

², ngày ... tháng ... năm ...**QUYẾT ĐỊNH****Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính
 trong lĩnh vực thể dục, thể thao**

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao số..... ngày... tháng... năm..... của Chính phủ

Tôi³,.....; Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..... ngày... tháng... năm..... của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁴:.....;

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:.....

Cấp ngày:..... Tại:.....

¹ Nếu quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương....., huyện, thành phố thuộc tỉnh....., xã mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Họ tên người ra quyết định cưỡng chế.

⁴ Nếu là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Biện pháp cưỡng chế⁵:**Lý do cưỡng chế:**

.....

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này và chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng..... năm.....

Quyết định này gồmtrang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức để thực hiện;
2. để⁶
3. để⁷

Người ra quyết định
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu:

⁵ Ghi cụ thể biện pháp cưỡng chế, số tiền cưỡng chế hoặc các biện pháp khắc phục phải thực hiện.

⁶ Nếu biện pháp cưỡng chế là khấu trừ lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng thì quyết định được gửi cho cơ quan, tổ chức nơi cá nhân làm việc hoặc ngân hàng để phối hợp thực hiện.

⁷ Nếu biện pháp cưỡng chế là kê biên tài sản hoặc các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra thì quyết định được gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

Mẫu quyết định số 06

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-KPHQ

², ngày... tháng... năm...**QUYẾT ĐỊNH****Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra**

Căn cứ Điều³ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều⁴ Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao;

Để khắc phục triệt để hậu quả do vi phạm hành chính gây ra,

Tôi⁵,.....; Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức⁶:.....;

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số:/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD:.....

Cấp ngày:..... Tại:.....

¹ Nếu quyết định khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thì chỉ cần ghi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương....., huyện, thành phố thuộc tỉnh, xã mà không cần ghi cơ quan chủ quản.

² Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

³ Nếu quyết định khắc phục hậu quả trong trường hợp hết thời hiệu thì căn cứ Điều 10, nếu trong trường hợp hết thời hạn ra quyết định xử phạt thì ghi căn cứ vào Điều 56 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

⁴ Ghi cụ thể điều, khoản của Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

⁵ Họ tên người ra quyết định xử phạt.

⁶ Nếu là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Lý do:

- Đã có hành vi vi phạm hành chính⁷:.....

Quy định tại điểm... khoản... Điều..... của.....⁸;

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:.....

Hậu quả cần khắc phục là:

Biện pháp để khắc phục hậu quả là:

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định là ngày... tháng.... năm..... trừ trường hợp.....⁹ Quá thời hạn này, nếu ông (bà)/tổ chức..... cố tình không chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành.

Ông (bà)/tổ chức có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng..... năm¹⁰

Quyết định này gồmtrang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang

Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

Ông (bà)/tổ chức để chấp hành;

2.;

3.

Người ra quyết định

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu:

⁷ Nếu có nhiều hành vi vi phạm thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

⁸ Ghi cụ thể từng điều, khoản, mức phạt của Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao mà cá nhân, tổ chức vi phạm.

⁹ Ghi rõ lý do.

¹⁰ Ngày ký quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền quyết định.